

CUNG TỊCH BIÊN

QUA SÔNG



Qua sông

Cung Tích Biên

qua sông

cung tích biên

bìa: *M.C.P*
nguồn: *Internet*
trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

qua sông

CUNG TÍCH BIÊN

SÀI GÒN - 1991



Cung Tích Biên tên thật Trần Ngọc Thao. Sinh ngày 8-2-1937 (tháng 12 năm Bính Tý), khai sinh ghi 1938, dưới chân Nổng Ông Tào, Thăng Bình, Quảng Nam.

Sống tám năm thời Pháp thuộc (1937-1945).

Chín năm trong vùng Kháng chiến Liên khu V (1945-1954).

Hai mươi mốt năm Việt Nam Cộng Hòa (1954-1975).

Từ 1975 đến nay (2008) dưới chế độ Cộng sản.

Từ nhỏ có đến trường đàng hoàng. Thời Kháng chiến học hành lang bang. Sau 1954 học trường Diên Hồng (Phố Cổ Hội An), Quốc Học Huế, Đại học Văn khoa Huế, Đại học Luật Sài Gòn. Không tiếp tục học đại học. Khởi nghiệp văn khá sớm.

Năm 1961 dạy Anh văn và Việt văn tại các trường trung học ở Quảng Nam.

Năm 1963 động viên vào trường Võ Bị Thủ Đức, khóa 17.

Tốt nghiệp Trường Sĩ quan Hành chánh Tài chánh khóa 10, thuộc Bộ Quốc phòng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Từng phục vụ qua các đơn vị 211 Pháo Binh (Sư đoàn 21 Bộ binh, Bạc Liêu), Trung đoàn 10 Kỵ binh (Đức Hòa) và Tiểu đoàn 251 Pháo Binh (Sư đoàn 25 Bộ Binh, Tây Ninh).

Từ 1970 là giảng viên Trường Sĩ quan Hành chánh (Sài Gòn). Lập gia đình năm 1972. Giải ngũ năm 1973, cấp bậc Đại úy. Giáo sư thỉnh giảng Viện Đại học Cộng đồng Quảng Đà (Đà Nẵng).

Sau 30 tháng 4-1975, sống lây lất bằng đủ thứ nghề. Đạp xe ba gác, chạy xe ôm, thu gom ve chai, làm cu-ly bốc

vác, thợ mây tre lá, thợ sơn mài...

Năm 1982 tạm ổn định nhờ vợ buôn bán sơn mài. Bản thân mang rất nhiều thứ bệnh. Hơn vài thập niên nay làm thân chùm gởi trong gia đình.

Là một nhà văn độc lập. Có truyện và thơ đăng trên các báo từ 1958, với nhiều bút hiệu lúc ban đầu (Chương Dương, Việt Diệu, Uyên Linh) trước khi có bút hiệu Cung Tích Biển.

Bút hiệu Cung Tích Biển xuất hiện lần đầu tiên tên tuần báo Nghệ Thuật (tháng 3-1966) tại Sài Gòn, với truyện ngắn Ngoại Ô Dĩ An và Linh Hồn Tôi. Nhanh chóng có truyện đăng trên hầu hết các nhật báo, tuần báo, tập san văn học nghệ thuật có giá trị, trước và sau 1975, trong và ngoài nước, cả trên các trang web văn học. Có tác phẩm

dịch sang ngoại ngữ, in chung với nhiều tác giả, phát hành ngoài nước. Tác giả hiện sống ở California, USA.

Nguồn: damau.org



Nhà văn Cung Tích Biển
Photo by Phạm Cao Hoàng - California, 10.2019

Tác phẩm:

1. Ai Tỉnh Ai Diên (Trí Dũng, 1969).
2. Nỗi Buồn Thấp Sáng (Trí Dũng, 1969)
3. Nàng Tình Rỗng (Trí Dũng, 1970)
4. Trên Ngọn Lửa (Hoàng Đông Phương, 1971)
5. Cõi Ngoài (Kỷ nguyên, 1970)
6. Bạch Hóa (Sóng, 1974)
7. Chim Cánh Cụt (Long An, 1990)
8. Một Thời Lưu Lạc (Long An, 1990)
9. Tình Yêu Mùa Áo Ảnh (Đồng Nai, 1990)
10. Thằng Bắt Quỷ (Tân Thư, 1993)

11. Cung Tích Biền Toàn Tập I, II, III
(nxb Một Minh, 2008)

12. Xứ Động Vật (Nhân Ảnh, 2018)

13. Mùa Xuân Cô Mơ Bay (Thao Thao,
2019)

14. Bạch Hóa (Thao Thao, 2021)

15. Nhạc Điệu Của Bầy Ong (Thao Thao,
2021)

16. Đành Lòng Sống Trong Phòng Đợi
Của Lịch Sử (Thao Thao, 2021)

17. Một Thời Nền Vắng Mặt (Văn Học
Press, 2021)

QUA SÔNG

1.

Đòng họ Trần Liêu vào định cư ở bờ Bắc sông Thu một thời gian lại gặp chuyện chẳng lành. Mấy năm liền, mùa hè như trong lò thiêu, mùa đông như băng giá, khí hậu khắc nghiệt, khắp nơi bị lụt lội, hạn hán, mưa đá, bão tố; lúa đang đòng đòng sâu bọ ăn hết, kiến vàng làm tổ trong măng tre măng trúc; giếng nước có rắn, dọc bờ sông cá sấu phơi mình trên cát; giữa trưa khô khốc

từng bầy voi lang thang đi tìm nước dọc bờ sông trắng. Gió rao truyền những tai ương, và biển bủa sóng báo hiệu của hoang phá điêu tàn.

Về mặt nhân văn, con người không tin vào những điều thực tế; nhưng những cảm ứng tâm linh không còn chân chính; nó bị tác động, xua đi theo dấu chân tà thuật. Đó đây mọc lên lời kinh cầu, sấm truyền. Những phù thủy dạy cho con người những u muội, xuyên tạc, đẩy đạo lý đến cửa ngõ của dị đoan mê tín. Người ta thờ những con rắn hai đầu, gà bốn chân, cua mặt người, cọp biết nói. Tin đồn loan truyền, những đồng dao, những mẩu chuyện châm biếm cứ mọc cánh bay đi, tụ hội với trăm nghìn hoang tưởng, làm cho xã hội hôn ám càng nhuộm màu hoang đường. Bọn đồng

bóng có nơi ăn chốn ở, quân ma mãnh giàu sang, kẻ trí thức thất sủng sống âm thầm thui chột. Ốc tim tấm độc.

Trần Liêu vay nợ Phú Hào nhiều năm vốn lãi chất chồng không sao trả được, Phú Hào đòi cào nhà và cùm gông Trần Liêu giải lên quan huyện. Trần Liêu đành đem cô gái Út xinh đẹp – cô Giao Châu – mười bảy tuổi gả làm hầu cho Phú Hào trừ nợ. Kỳ hên mười năm Phú Hào trả Giao Châu lại cho Liêu.

Nào ngờ, sau đó Phú Hào đem Giao Châu nộp cho quan Huyện, gọi là món lễ vật quý giá. Quan Huyện mê mẩn Giao Châu đến quên cả vợ, nên người vợ tìm cách giết Giao Châu bằng thuốc độc.

Mãi mấy năm sau Liêu biết chuyện, tới huyện đường kêu oan. Huyện phán:

– Người đem con gái nạp cho Phú Hào trừ nợ. Vậy, con gái người là món hàng, ai dùng chẳng được. Hàng đã dùng thì có hư hao, sao đòi?

Liêu kêu oan mãi, lại khóc nức nở vì thương con gái. Quan tức giận sai quân lính nọc Trần Liêu ra giữa sân nắng mà đánh ba mươi hèo, rồi đuổi về. Quan Huyện bày trò nhân từ cho Liêu tiền, Liêu không nhận.

Mang một cái đầu cắm uất và một cái lưng máu về nhà, Liêu nói cùng vợ con:

– Bỏ xứ mà đi thôi.

Vợ Liêu can ngăn:

– Mình là dân, phải biết nhịn nhục mà sống, sao bỏ làng nước ra đi. Đi đâu, về đâu?

Cậu con trai cả của Trần Liêu nói:

– Quan hà khắc thì giết lũ quan ấy đi!

Cậu út nói theo cách huyền mộng của mình:

– Ta sống không cần vua quan có được không?

Rõ ràng bốn người bốn quan điểm khác nhau.

Liêu muốn từ bỏ một nơi chốn khắc nghiệt để tìm đến một miền đất lành, như vượt sông Thu vào phía Nam chẳng hạn.

Người vợ tòng quyền, nhưng không

muốn rời bỏ nơi có mồ mả cha anh; nghĩ về những lao lung của dĩ vãng, bà rất sợ những cuộc ra đi tìm đất hứa.

Cậu con trai cả rõ là muốn nổi loạn, dù đẫm máu, nhưng nó làm sạch triều đình.

Cậu út có khuynh hướng vô chính phủ:

– Ta sống với ta, vua quan là cỏ rác.

Đi? Ở? Giết quan? Hoặc không cần vua quan? Song, trong gia đình ấy có một sợi dây vô hình và bí ẩn: bàn luận thì rộng rãi, cuối cùng vẫn theo lời cha. Họ sẽ ra đi. Nơi họ định đến vẫn trên xứ sở thân yêu của họ, nhưng là bên kia bờ sông Thu. Phải là Bên-kia-Bờ. Bên kia bờ con sông mà định mệnh đã trót cho nó cái tên sông Thu.

Bây giờ đang là mùa đông. Thời tiết năm ấy giá lạnh kinh hoàng, bão khô thổi xao xác làm rừng núi khô vàng như chờ nhóm lửa. Sông Thu có dòng chảy rất xiết, xoáy bờ Nam, phá bãi Bắc, tạo ra những bãi phù sa cồn cồn lớp lớp, hoặc những vịnh nước mênh mông. Ngày ngày mặt trời như một cục máu đỏ hỏn trôi lên một chút là bị mây đen vây phủ. Bầu trời mang mang xám rộng, khi con sông Thu tràn tỏa, sóng reo như biển.

Ngày ấy, bờ Nam sông Thu hãy còn ít di dân tới định cư. Bờ Bắc còn lúa thừa xóm làng. Chen lẫn giữa những xóm lá hiu quạnh là rừng thưa hoặc núi đồi, đầm lầy. Từ làng tới huyện phải mất mấy ngày đường. Quan đi lại có ngựa,

kiệu, dân cuốc bộ. Quan có lính hầu bảo vệ, dân phải mang giáo mác phòng khi đâm chém với voi răn, heo rừng. Nông phu đi làm rầy chạm mặt với thú dữ là thường. Cọp thấy người trước tức thì phóng về người xé xác mà nhai. Người thấy cọp trước thì đập giết cọp mạng về, thịt ăn, da cọp làm áo hoặc làm phen vách quanh nhà. Đôi khi cuộc chiến đấu ngang bằng, cọp người găm gù rời nhau, cọp mang máu me chạy vào núi, người mang thương tích về nhà vợ con băng bó. Cọp găm người vì bản năng, người giết cọp vì ý thức sinh tồn.

Trần Liêu có vóc dáng to khỏe như gấu. Cậu Cả giống bố, ngày ăn bốn bữa, mỗi bữa nồi cơm bụi, luôn có ý tìm giết Phú Hào cùng quan Huyện. Trong Cả có dòng máu muốn đứng lên giữa trời, cây đao phơ mà quạt “cỏ dại”. Cậu Út, người

mảnh mai, da trắng trẻo, mắt sâu mũi thẳng, cách đi đứng nói năng thanh tú, sính chữ nghĩa thơ văn, có tính khinh đời nhưng lại sợ chuyện đâm cọp giết người. Với cậu, thế gian này chỉ là cõi tạm; trong cuộc hành trình miên viễn của cậu, nơi đây chỉ là cuộc ghé chơi, ngẫm nghĩ xa xôi làm chi cho u hân thể phách.

Thuở bé, có lần Út đi chơi sao đó mà lang thang vào một hang cọp. Liêu và Cả vác dao đi tìm. Lúc tới nơi, người ta thấy cậu Út đang ngồi thu mình bên chú cọp con lảng lướt màu nhau. Liêu ẳm Út ra khỏi hang cọp. Cả lăm le ngọn dao. Liêu can ngăn:

– Đừng giết cọp con!

Khi xuống núi, ba cha con gặp cọp mẹ trở về. Lần nữa Liêu nói với Cả:

– Hãy tự vệ, đừng giết nó. Nó còn con nhỏ trong hang.

2.

Cha con Liêu xẻ gỗ đóng thuyền.
Lại rèn thêm vũ khí.

Việc qua sông chỉ cần một chiếc ghe nhỏ là vừa nhưng họ đóng một chiếc thuyền khá lớn: như để vượt biển. Liêu giải thích rằng phải chở cả bàn ghế tử giường, cối xay, chày giã gạo.

– Ra đi, chỉ đi một lần không lui lại, có chi thì chở hết. Vả lại qua bên kia sông đã chắc gì tìm được cái sống lúc ban đầu dễ dàng.

Bà mẹ chuẩn bị lương thực, áo quần. Bà hái lá rừng phơi khô, những loại có thể là những món thuốc Nam, phòng khi chưa hợp thủy thổ. Hôm dọn bàn thờ, người mẹ thấy cái hộp đựng cuốn gia phả đã bị mối mọt ăn, tượng Phật cũng vậy. Để yên thì thân là tượng, mà tháo ra ráp lại không được. Chúng rã tan. Như lớp bụi vô nghĩa. Như một cái gì rất đáng sợ, giữa niềm tin sâu mọt.

Bà mẹ đem chuyện này nói với chồng. Liêu nói nghiêm chỉnh, tuy có một thoáng bàng hoàng:

– Cái gì hư mọt thì vất đi, không cần sơn phết làm gì nữa, cha mẹ Phật, Tổ ở lòng ta.

Mùa đông rồi cũng trôi qua. Nhưng mùa xuân năm ấy kỳ lạ. Gia đình Liêu ăn cái tết từ biệt để chuẩn bị ra đi thì mưa lê

thê kéo dài, gió Bắc khô lạnh. Khắp nơi, mai không nở. Cây rừng trụi lủi. Núi đồi hắt hiu bát ngát. Bầu trời luôn màu chì. Giữa thánɡ giêng sâu bọ bò rào rạt, hàng nghìn triệu con, san bằng đồng lúa. Cào cào châu chấu, kiến cao cẳng đầy nhà đầy vườn. Những luống cải hoa vàng trở thành màu nâu đen vì ruồi nhặng bu quanh. Bướm ong màu sắc tươi xinh chết đầy đất. Chuột chù chuột cống bò khơi khơi trong vườn ngày. Trong trái chín sâu dòi ngổn ngang. Nước đồng ruộng có màu đỏ loãng. Trên mặt nước có đóng ván ngũ sắc, phản chiếu ánh mặt trời chiều trông hoang đường đến nhức mắt. Ánh chiều mong manh như tơ lụa bỗng trở nên gợn ghê: “Một mùa xuân ma.”

Một hôm, quan Huyện đi thăm dân tình, gọi là chúc xuân, nhân tiện ghé Phú

Hào đánh chén cùng hãm hiếp kín đáo gái quê. Cậu Cả nghe tin ấy, mang dao ra đi, định giết chúng. Liêu can ngăn con:

– Chưa có tòa xử chưa nên giết người!

Cả cãi lại:

– Bọn chúng không còn là người. Mà ai ngồi tòa? Ai xét xử?

Người mẹ vừa khóc vừa sợ hãi van xin:

– Dù sao con gái mẹ cũng đã chết rồi, gây ra oan trái làm chi nữa.

Cả giận dữ:

– Trừ kẻ có tội, trả thù cho Giao Châu mà là gây oan trái à?

Cậu Út nói:

– Thôi, xin mọi người hãy dẹp cất dĩ vãng đi.

Hôm đó Cả bỏ ăn, nói với cha:

– Suốt đời cha chỉ dạy con điều nhịn nhục, chịu đựng. Cha làm tê liệt ý chí con người.

Thời gian dần qua, mọi việc chuẩn bị xong, ngày ra đi sắp tới. Liêu mang màu vẽ mắt con thuyền. Cả rửa thuyền. Dưới sức nắng mùa hè, con thuyền bạc thếp vì nước lũ có bùn non phủ qua những ngày mùa đông. Trong lòng thuyền một lớp bùn nhão, ở đó một con rắn nằm khoanh tròn. Cả chặt một phát. Con rắn cụt một phần đuôi, vùng thoát, trườn mình hướng về phía đầm lầy. Cả nói vui:

– Ngày xưa Lưu Bang chém rắn, ra đi rồi làm vua.

Trần Liêu nhìn con gằn giọng:

– Chỉ toàn chuyện vấy máu.

Cả nói:

– Nhưng máu của chính đạo thì cũng cần thiết phải đổ ra lắm chứ.

Cha con cùng cười. Nắng mùa hè chói chang. Dãy núi hùng vĩ phía Tây như nghìn ngọn sóng bát ngát trong trời xanh. Mây trắng chập chùng, trôi dạt cả dưới lòng con sông Thu xa xa.

Con thuyền được kê lên cao bởi hai cái đà gỗ. Trần Liêu lập bàn hương án, ăn vận chỉnh tề rồi cầm cọ chấm màu vẽ mắt cho thuyền. Cả nhìn cha vẽ, lại hỏi:

– Người có mắt đây mà nhìn không

thấy hết phương hướng, lạc mãi chốn vô minh, cha vẽ mắt lên gỗ đá mà chi?

Liêu giải thích:

– Mắt người ta là mắt thịt. Mắt gỗ đá mới hiển linh con trai ạ.

Liêu không là họa sĩ nhưng điểm nhãn cho thuyền rất đẹp. Sau đó, họ lắp bánh lái, lợp mui.

Bà mẹ rất lưu luyến chốn cũ nhưng cuối cùng cũng đành phải xuống thuyền cùng chồng con. Hôm ấy người mẹ buồn lắm. Bà khấn vái tổ tiên. Đôi mắt ướm, nhìn hun hút về nương rẫy rừng núi. Liêu đứng ở bờ sông quay mặt về hướng Bắc lạy ba lạy, lại dầy về hướng Nam bái ba bái. Thấy lạ, Cả hỏi:

– Sao cha lạy phương Bắc mà chỉ bái phương Nam?

Liêu giải thích:

– Phương Bắc là tổ tiên linh hồn giống nòi ta.

Út nói:

– Theo con thì cha phải lạy phương Nam. Phải lạy cái tương lai. Còn quá khứ thì xá xá nó là vừa!

Liêu cúi mặt, thở dài, nhìn con.

Từ lâu Cả thắc mắc một điều nên gạn hỏi cha:

– Này cha! Nghe rằng chúng ta là hậu duệ của vua Trần?

Liêu nói nghiêm chỉnh:

– Đúng vậy, chúng ta là con cháu chính thống vua nhà Trần, vì suy mệnh mà ra đi.

Cả lại hỏi:

– Cùng một dòng họ nhà Trần sao một thời đầy dẫy anh hùng, những Hưng Đạo, Quang Khải, bây giờ lại toàn một lũ gian manh trộm cắp, hoặc đói khổ đọa đầy như chúng ta?

Liêu than thở:

– Đó là vận nước. Cũng một dân tộc, một thời có thể rất anh hùng, một thời rất bộn bề lữ điên. Thời hưng thịnh thì một người cày ruộng cũng giữ luân lý riêng mình và đạo đức giống nòi. Thời suy vi thì cũng dân quan đó nhưng là lũ ti tiện, coi trọng vật chất, xem thường đạo lý, vì cái sống thấp hèn, vì địa vị, có khi ám hại nhau không nương tay. Trong nhân loại, nước nào cũng có trường hợp đó, vận hạn mà. Nhưng chớ có buồn mãi

chi. Ở chỗ cùng kiệt, anh hùng lại sẽ xuất hiện, minh quân ra đời. Cuộc nhân sinh sẽ được vun quén trùng tu.

3.

Thuyền hạ thủy vào một ngày rục nảng. Bầu trời xanh ngắt không một áng mây. Liều và cậu Cả ăn vận gọn gàng, áo mác bên hông, đai lưng bằng da thú, nón mây. Trông Út như một đạo sĩ trong lớp áo trắng phơ phất. Người mẹ nhìn bờ Nam xa tấp, dấu hiệu đất Hứa hầy còn mịt mờ nơi cái tường thành lau trắng xa xa, chưa một bãi dâu, chưa một làn khói bếp nhà.

Bơi theo thuyền của họ là một đàn cá sấu vùng vẫy. Cả định phạt một dáo. Liêu can ngăn:

– Ta có đường đi của ta, đừng chọc vào lũ sấu xà.

Người mẹ tụng kinh. Tiếng lòng chan hòa sông nước, giữa cái nóng của mặt trời cùng sự reo thềm của lũ cá sấu dưới lườn ghe.

Họ cho thuyền ngang qua bờ. Sông mênh mông không cầu. Cầu quan lộ xa xa dưới kia năm ba ngày chưa thấy một bóng ngựa trạm.

Trước đây gia đình Liêu từng nghe người bơi thuyền qua sông, đi Nam về, kể lại những gì đã từng mắt thấy tai nghe. Câu chuyện khá hấp dẫn đối với Cả và Út khi được biết cách đó không xa

có một con đường rẽ về hướng Tây, dẫn sâu vào núi. Một con sông chảy bạt ngàn trên đỉnh núi liền núi. Như một con sông huyền thoại, nhìn nó người ta tưởng nó chảy ngược, vì mắt ta quen nhìn sông xuôi về biển.

Đó là hướng Tây của Quảng Nam – mở rộng về phương Nam – mà dòng họ Trần Liễu, con cháu vua tới lập nghiệp. Núi trùng điệp sừng sững. Những thung lũng trầm mặc, bí ẩn. Nơi miền xuôi, những tháp Chăm hiện lên như những cánh xương rồng khổng lồ. Đất đai hãy còn là những thảo nguyên hoang dã.

Người ta kể lại rằng ở đó, miền núi tây của Quảng Nam, có một kinh đô bị chôn vùi trong lòng một ngọn núi. Một dân tộc đã vùi chôn kinh đô của mình trước khi ra đi, bằng cách đắp núi lên đó. Người ta nghĩ rằng lòng đất là nắm

mồ sẽ giữ cho kinh đô vĩnh cửu. Núi đó là Nhân Sơn – mộ địa sâu bi, đầy huyền bí. Ngày nay, cái chất thơ hùng đó không chỉ bàng bạc trong sử lịch mà nó hiện hồn bâng khuâng trong từng từng cỏ lau trắng như khăn tang lưng chừng núi. Lúc bình minh, núi chìm trong sương mù biển khói, và hoàng hôn núi lặng im một cách lạ thường, khi cả trời rục lên cái ráng chiều máu pha. Sau đó, núi chìm trong đêm im lìm, tìm cách đầu thai trong bóng tối.

Thuyền đang trôi an bình thì mọi người bỗng thấy dòng nước chảy xiết. Cúi khô, bèo giạt ở đâu trôi về đây. Mặt sông đen ra, mịt mù. Liều đổi tay chèo cho Cả cầm bánh lái. Mọi người đang vui vẻ bỗng lo lắng. Con sông cứ như có thần linh làm cho nó càng xa thăm hai bờ. Càng chèo chống, vươn tới, hướng

về, mong qua, thì bờ Nam cứ dần dần xa tít. Bãi bờ phương Bắc hun hút với đầm lầy rừng thưa. Bầu trời nắng gắt giờ đây mây phủ, gió rao rao huyền hoặc không còn nữa. Một cơn bão đã tới, gặt, giật, rung chuyển nghìn vạn âm thanh cuồng nộ. Gió khoét nước từ mặt sông tung cao lên không trung. Mưa không thể nào kể hết mưa. Từng tảng nước dội phủ lên thuyền. Người ta cảm tưởng bị rách thịt da, mặt, vì từng cây nước trắng như bạch kim châm vào.

Cả vuốt mặt và nói:

– Chúng ta bắt đầu chơi với quỷ thần rồi đây. Bọn âm binh bắt đầu lộ mặt. Ta trốn xa lũ quỷ mặt người hóa ra giờ đây...

Út phất tay áo nói:

– Đúng là định mệnh chúng ta đang có ma vương thọc tay vào.

Liêu răn dạy:

– Hãy bình tĩnh các con. Lúc này mới là lúc thử sức người.

Trong cuộc chinh phục thiên nhiên, con người vừa muốn tiêu diệt nó, vừa muốn hòa bình, nhân hóa nó. Con người cần lưu giữ thiên nhiên một phần nơi sợ hãi. Cuộc chơi đó lắm khi gay cấn, không thiếu phần mĩa mai tàn nhẫn, là một bên vẫn cứ muốn tiêu diệt một bên.

Nhân loại có nảy sinh nhưng lần lượt đi vào một thịt da mãi bốc làn khói đen trong trời xanh. Con người tiêu diệt vi trùng nhưng định mệnh cỏ cây cứ nảy sinh ra nghìn nghìn vi trùng mới, lạ lắm và khôn ngoan hơn. Những cánh rừng vẫn cứ bị chặt phá, ao hồ khô kiệt, không gian thấm độc, vậy mà con người cứ đào biển phá núi, lắm le đào xới những vì

sao, tính tuổi mặt trời. Cho nên, trong qui luật đó, gia đình Trần Liêu đang được treo trên sợi dây báo tử, để thiên nhiên dày vò. Người ta có thể không tin vào thiên đường hay địa ngục nhưng quả thật những mặc khải tâm linh đó không trừu tượng – ít ra về mặt biểu trưng: nghĩa là chúng ta đang ở trong nhau, báo tử thường trực mang thai trong khí hậu an lành.

Đối với gia đình Trần Liêu, con sông Thu giờ đây là một cõi lưỡng nghi hỗn độn: bờ Bắc thì mờ mịt, bờ Nam tí xa ngàn dặm. Dứt bỏ dĩ vãng mà không có tương lai. Rời một đám khói mịt mù để mơ tới một bờ sương vô vọng. Trần Liêu đã dâng hiến một niềm tin sắt son cho báo tử. Cuộc trùng phùng chừng như giấu mặt, bơi vôi.

“Trần Liêu? Người có đau lòng chẳng khi từ bỏ một quá khứ dị dạng buồn nôn, để hòa mình cùng một thực tại rách nát bão dông?”

Cả và Út không chèo thuyền nữa, mà gác mái chèo trong lòng khoang. Trời đất vẫn lòi cái mặt nạ xám xịt trong cơn thịnh nộ. Con thuyền răng rắc muốn bức làm đôi. Mũi thuyền trước như con thú chồm lên vô mối, mũi sau như con kinh ngư chực lặn sâu xuống đáy nước. Nó đâm ngang, rẽ dọc, lại quay tròn, khi lao vào Nam khi trở ngược phương Bắc.

Thuyền tự do theo hướng vô phương Phật của nó, sẵn sàng nghiêng hất cha con Liêu giữa dòng. Rồi, rất một cái, bánh lái gãy. Liêu mất thăng bằng bổ nhào vào lòng thuyền. Người mẹ cúi mặt

vuốt nước, miệng tụng kinh. “Một lời kinh nguyện nhỏ nhoi mà dám van xin đất trời an bình?” Nhưng người mẹ cứ tụng kinh, vì mẹ nghĩ rằng trời đất có lỗi tai để nghe những lời van xin hèn mọn nhỏ nhoi nhất trên thế gian.

Lạ thay, rất lâu, qua nhiều thử thách, thuyền không chìm mà cứ trôi mãi. Lại có vẻ càng lúc càng bình an khi sóng gió đã lặng. Đêm lên. Mảng trăng lười liềm vắt vẻo xa xôi. Bầu trời trở nên sâu lắng huyền ảo. Lúc đầu mọi người còn tỉnh táo, sau họ không định được mình đang ở đâu. Thậm chí họ không còn cảm giác ở trên sông hay biển khi mọi người bắt đầu mê dần. Không gian như có mùi hương tinh khiết. Một bàn tay huyền bí nào đó giữ cho chiếc thuyền không còn bánh lái cứ trôi mãi đi. Mấy ngày đêm liền,

thuyền không qua được sông mà trôi ra biển. Cuối cùng rất may mắn thuyền dạt vào một hoang đảo.

4.

Cậu Cả là người tỉnh dậy đầu tiên sau một thời gian dài mê xủ. Anh nằm dài trên cát ngơ ngác nhìn chung quanh và nhận ra cái nắng rất mặt của buổi trưa nơi hoang đảo. Mùi biển tanh nồng hòa trong gió. Sóng vỗ tràn lan qua bãi trắng phẳng lì. Xa hơn, những mỏm đá cheo leo chồm ra vịnh biển. Rừng rất xanh kéo lên tận đỉnh đảo. Một vài cánh chim chao liệng trong trời.

Cả cố đứng lên, lại mệt mỗi ngời xuống. Chiếc thuyền còn nguyên vẹn, nằm trên cát, cách nơi nằm của cha anh và cậu Út không xa. Mẹ anh trong khoang. Đầu tiên với cây dáo, Cả đào một cái giếng nhỏ trên cát, dùng tay vốc nước uống, lại bốc một nắm gạo sống mà nhai. Sau đó anh tới lay thức mọi người.

Họ đi dần vào chân đảo, tìm một cái hang trú ngụ qua đêm.

Về đêm, khí hậu đảo rất lạnh, sóng đánh rì rầm, tiếng chim và tiếng rú gầm của muôn thú quanh quất. Mấy hôm sau, Liêu và Cả vác dáo đi thám thính quanh vùng và trở về cho người mẹ biết quanh đây không có làng xóm nương rẫy, nghĩa là không có dấu hiệu rằng con người đã từng sống hoặc từng qua đây. Người mẹ hiểu rằng gia đình đang rơi vào một tình thế hiểm nguy. Lương thực đã hết,

vì trước kia bà chưa hề nghĩ tới ngày lạc vào hoang đảo.

Ngày qua ngày, người mẹ chôn dấu sự lo sợ tận đáy lòng. Bên ngoài bà cố vui vẻ, làm những việc giúp chồng con như khâu vá áo quần, quơ nắm củi, hái rau rừng, lấy nước từ giếng xa, sát vục biển, bằng cách khoét một vài lớp cát. Bà tìm một chỗ bằng phẳng sạch sẽ, trong hang đá – để thiết cái bàn thờ tổ tiên. Mẹ vái lạy hằng đêm, khẩn nguyện người khuất mặt – tiền linh giống nòi, ông cha, chú bác, anh em thương; cả những oan hồn cô quạnh, những kiếp chết linh hồn nát mẫm thành cô hồn của quỷ ma – để mong chờ phút giây cứu rỗi.

Một hôm Cả đâm được một con thú, xẻ thịt ăn. Con người ăn thịt mãi cũng khó thành người. Những đám rau rừng dần dà cũng mòn tịt đi, vì bốn miệng ăn.

Ở chốn sỏi cát, cũng có thể trồng lương thực rau quả, ngặt vì không có hạt giống. Rất may, nơi đây vẫn còn ít loại rau và hoa quả nuôi người. Nhưng người đâu là khí, núi rừng cho chi ăn nấy. Nên, thời gian lấy dần thịt da máu tủy người.

Một buổi chiều xẩm, ba cha con Liêu vắng nhà, người mẹ ngồi thu mình trong hang đá bỗng nghe tiếng động ngoài cửa hang. Mẹ rừng mình hiểu rằng loài thú rừng cũng đang tìm một cái hang ấm áp. Chúng đang ngắm nghía cái hang của mẹ. Đêm nằm mẹ mơ thấy những điều không vui. Trong thế giới hoang đường của giấc ngủ mẹ nghe cả tiếng cười vui, nhưng rất đau lòng, của chồng con. Họ đang chống lại một định mệnh cay đắng. Những con người khỏe mạnh dũng cảm ấy đang bị biến thể, trở nên những bộ xương.

Nhiều hôm trời thanh nắng tốt, mẹ đứng trên mỏm đá cao nhìn mông lung, cố tìm dấu hiệu của đất liền. Mẹ theo dõi cánh chim, mong thấy vệt xám xanh ở chân trời, hay một cánh bướm nào đó qua đây. Mẹ tuyệt vọng cùng tháng ngày, vì trong cái mông lung xanh ngắt kia không một dấu hiệu bến bờ.

Mùa đông lạnh giá lại về. Những mảnh áo tấm quần rách nát. Trần Liêu là một bộ xương có mái đầu bạc: một cái đầu lâu có tóc, có cái nhìn, có tiếng cười, và sự bất trắc vẫn còn đeo đuổi.

Đêm đêm, người ta đốt đồng lửa hồng là để cho ấm, để trò chuyện với nhau như ma trong mồ nhớ dĩ vãng trần gian. Lửa ấy ít đun nấu một thứ gì có chất gạo. Da người thiếu chất bột đã trở thành màu da bụng của rắn mối, pha một chút xanh lơ bệnh hoạn của thiếu máu, của

mong chờ đất liền, của một ngày về đang chìm trong sương biển. Mọi người trong gia đình Liêu rất thương yêu đùm bọc bảo vệ nhau. Nhưng chính sự khẩn khít can đảm đó, trong cảnh khốn cùng đặc biệt, cũng là một hoàn cảnh mĩ mai: Họ đang dần dà biến thành vượn để hoàn chỉnh cái sống của kiếp người.

Một hôm bà mẹ nói – đúng hơn là một bộ xương nói:

– Nếu tôi chết, rất mong mình và các con hãy ăn thịt tôi để sống qua ngày.

Liêu cắn môi, rít qua kẽ răng:

– Đừng nói điều vô đạo.

Bà mẹ nghiêm chỉnh, nói lời nguyện cầu; như một sấm truyền đầy cảm ứng thần linh, như máu trong mẹ nói:

– Sao lại vô đạo? Tôi là vũ trụ tạo ra chúng. Lúc nằm trong bụng tôi, chúng chẳng từng hít máu tôi, thở trong tôi, ăn hút tủy xương tôi đó sao? Khi là bào thai lại hoang vu ăn thịt người, lúc thành người lại mang đạo đức ra trá hình đối với những dân hiền cuối cùng.

Người Mẹ, sau đó, kể cho hai con nghe một câu chuyện đầy ẩn dụ rằng ngày trước có một đám tù vượt ngục từ một trại tù nơi một hòn đảo lớn – địa ngục trần gian. Họ lên đênh trên biển – với một chiếc bè ráp tạm – rồi trôi dạt vào một hoang đảo. Đói lạnh bệnh tật, nhưng là những người tù chính trị chân chính, họ không hề tuyệt vọng, rất can đảm và minh sáng trong hoàn cảnh hiểm nghèo. Thế là một trong đám người họ quyết định tự tử. Để làm gì? Để những người anh hùng kia lấy thịt mình mà

ăn. Con người kiên cường kia biết rằng những người cùng chí hướng với mình sẽ giải quyết cái thân xác tạm thời của mình để tiếp tục làm cái việc muôn đời cho muôn người.

Nghe xong, Cả và Út lặng lẽ kinh hoàng. Họ cúi mặt khóc. Ngọn lửa hồng vẫn tiếp tục cháy giữa dòng đại hồng thủy. Sự nghịch lý tàn khốc kia hóa ra vẫn là một xúc tác trong sinh tồn. Tập tục thường hằng lắm khi phải lùi bước trước những điều cao cả: sự tan vỡ cùng cực của đại biến để mở màn cho một kết thúc.

Từ trong hang động mẹ nhìn ra biển lớn. Lúc đầu bầu trời thanh thản một cách lạ thường. Bầy chim biển sà trên mặt nước xanh. Sóng bạc đầu xua vào bờ hàng nghìn cánh bạc, lấp lánh nắng. Một lúc mẹ nói, giọng rất ấm:

– Các con nghe mẹ bảo. Nơi đây không thiếu thịt thú rừng. Nhưng các con hãy ăn thịt mẹ. Không là thịt người. Không bao giờ mẹ là thịt người. Mẹ là thiên nhục.

Lời Mẹ quả là điểm gỡ. Hai hôm sau Mẹ qua đời trong cái hang đá lạnh lẽo ấy. Cả nhà khiêng Mẹ ra đặt trên một phiến đá cao bằng phẳng. Biển bao la thanh thoát. Bầu trời rất cao xanh. Tinh tú như tỏ rạng ngay giữa ban ngày. Bầy hải âu bay, những cánh thiên đường. Rất xa, một chiếc cầu vồng bảy màu hiện ra chênh vênh, nơi đó đang có thể là mưa trong nắng, tụ hội thần linh, nơi có thể sẵn sàng đón một linh hồn tinh khiết nhất, cao cả và thẳng hoa nhất.

Không ánh đèn, không nhang khói, không kèn đưa trống thổi. Chỉ có sóng trắng bủa xa xa. Chỉ có tiếng rừng của

đảo trở nên âm thầm ray rứt. Và chỉ có cậu Cả cầm cây dáo múa như điên trong không khí. Cả muốn đâm mặt trời, muốn chém mây trắng, muốn chặt gió đang vi vu, muốn lấy máu của đá.

Sau cùng, Cả cầm phập ngọn ngọn dáo lên nền cát rồi gục khóc nức nở.

5.

Trần Liêu chôn vợ một cách
thầm lặng, dưới chân viên
đá tảng. Đâu người quay về hướng mà
người ta tin rằng có đất liền nơi quê nhà.
Liêu cảm giận nói với hai con:

– Giao Châu con gái ta bị chết thảm
dưới tay cường quyền. Nay, vợ thân yêu
của ta cũng chết thảm thương lúc ta bôn
đào. Nếu ta gặp cái thằng Số Mệnh ở đâu
ta chặt đầu nó ở đấy, nếu quả thật có một
thằng Số Mệnh bằng xương bằng thịt.

Vài hôm sau, kể từ lúc Mẹ nằm yên trong lòng đất, buổi chiều, không gian bỗng huyền hoặc lạ thường. Màu trời vàng lênh láng, mây trôi chập chùng, gió nhẹ, biển lặng. Xa xa, vẫn cái cầu vồng màu sắc hiện lên, như một chiếc cổng trời đầy hào quang. Thế gian như gột đẽo thần tốc để có một phong diện kỳ ảo. Theo sóng biển, một con cá nhà táng trôi dạt vào, kế bên nó là một chiếc thuyền buồm loại nhỏ. Vào bờ được vài phút, cá nhà táng đã chết. Cha con Liêu tìm thấy trên ghe có rất nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men, áo quần, những loại giống ngũ cốc có thể gieo hạt.. Lại có một ít vũ khí, một la bàn và một bản đồ hải hành. Năm người trên ghe đã chết, máu me đầm đìa. Có những bịch gạo thối máu tươi như xôi gấc. Thời gian trôi đi.

Đã hơn mười năm cha con Liêu sống nơi hoang dã. Họ xây nhà, gieo hạt, trồng cây. Họ biến một phần đảo có hồn người. Họ khắc đá dựng bia trên mộ người Mẹ. Họ tìm cách để lại trong hang đá những ký hiệu, những lời dặn dò mong hướng dẫn những kẻ không may sau này lạc vào hoang đảo như họ. Từ lâu, rất nhớ đất liền, cha con Liêu thể tìm mọi cách trở về. Chim có tổ, nước có nguồn, cha con Liêu mong một mảnh quê hương, được nghe tiếng nói của đồng bào mình.

Họ tự học cách sử dụng la bàn, bản đồ hải hành, cụ bị lương thực, xẻ gỗ đóng thuyền. Thời gian đó, may mắn thay, một vài chiếc thuyền buôn ghé đảo. Họ được tiếp xúc với những người thủy thủ da trắng mà họ cho là man di – một loại người rừng đẹp đẽ. Rút kinh nghiệm của lần ra đi năm xưa, bây giờ họ chuẩn bị kỹ

lượng hơn; bàn bạc với nhau tìm phương cách đối phó nếu gặp hiểm nguy.

Trần Liêu nay đã là một cụ già, giàu kinh nghiệm nhưng sức sống không còn mãnh liệt như xưa; niềm tin cũng mòn mỏi. Liêu không dám khẳng định một may mắn có thể chuẩn xác trong tương lai. Cả đã là một gã đàn ông rần rỏi, cương nghị. Những ngày cô đơn, gian khổ, tuyệt vọng đã dạy Cả, nung đúc Cả thành một con người gan dạ, có chí hướng.

Riêng cậu Út có khác, Út thường trực ưu tư, có dấu hiệu tâm thần. Đi đâu về đâu, Út vẫn thấy những bất hạnh vây quanh. Những ám ảnh siêu hình, những suy niệm duy tâm luôn đè nặng lên tâm cảm cậu ta. Có lẽ Út sẽ trở thành một nghệ sĩ cô đơn, ca ngợi cái đẹp trong đau xót riêng mình; dành lòng nơi một cõi trú rất phi lý mà phải tha thiết với nó,

vì nó. Út rất viễn mơ nhưng lại không tin vào điều tâm nguyện, rất khinh đời, khuynh hướng vô chính phủ, thiếu óc tổ chức. Với cậu, hy vọng chỉ là một sự phiền muộn, mong ước là dấu hiệu của xót đau riêng tư. Út cho rằng con người tự kéo sợi tơ tham vọng quanh mình như con tằm nhả kén chung quanh, sau cùng, đành chết giữa lòng tơ.

Sáng hôm ấy trời quang mây tạnh. Sau khi kiểm điểm “quân mã”, cha con Liêu bái biệt hoang đảo, xuống thuyền dong buồm ra đi. Ra đi? Có nghĩa là tìm về.

Lúc rời khỏi mái tranh nhỏ, nhìn mộ vợ dưới chân viên đá tảng, những nương rẫy hãy còn mầm xanh, những hoa vàng quanh bờ dậu, những con dê được mở cổng chuồng cho chúng về đỉnh đảo, bấy dê lại đi quanh quần trong vườn, như

nhớ ai, chúng đi dọc bờ rào gặm những đợt xanh; Liêu động lòng nói:

– Hóa ra đây là quê hương thứ hai, đã có máu và mồ hôi chúng ta!

Cả nói:

– Sau này thế nào chúng ta cũng trở lại đây. Có lẽ đây cũng là một hòn đảo quê nhà.

Ngồi trên sóng bạc đầu, Trần Liêu nghĩ miên man về con sông Thu, về Giao Châu, cảm giận bọn Phú Hào, quan Huyện. Liêu nhớ ngày tuổi nhỏ cùng cha vượt đèo vào bờ Bắc sông Thu lập nghiệp. Một đoàn người biệt xứ ra đi, từ đâu đó, tới đâu đó. Có dấu chân người là có con đường, có xóm làng; những dây thân ái cùng khổ đau nối kết, giăng tơ; và có những tên tuổi để gọi danh cho nó.

Con người đã làm ẩm đất đai vốn nghìn xưa tẻ lạnh.

Thuyền buồm trôi dạt được hai đêm ngày thì bọn họ thấy đất liền mờ mờ. Rất vui mừng, nhưng ba cha con Liêu lo ngại rằng có phải mình đã đi đúng cái hướng mình muốn tới, hay sẽ lạc vào một vùng người xa lạ, phải đâm chém vong mạng mình mới tìm được chốn nương thân.

Cả đề nghị không nên cập bờ ban đêm.

– Tối trời nguy hiểm lắm.

Liêu nói:

– Cập bờ ban đêm sẽ tránh được sự dòm ngó của dân địa phương.

Đôi mắt cứ dăm dăm nhìn vào mớ vũ khí, nghĩ tới một cuộc đụng độ với người xứ xa lạ, Út nói:

– Lần này chúng ta gặp một hoang đảo nữa, ắt thành tiên thành Phật.

Lúc bình minh rưng rưng ở Phương Đông, vạn vật còn chìm trong lớp sương mờ ảo, thuyền của cha con Liêu cập bờ an toàn. Trước mặt họ là một vùng nhấp nhô những đồi cát, rừng phi lao thưa thớt. Vượt qua những đồi nương, mặt trời đứng bóng, cha con Liêu gặp những cánh đầm lầy, nước xâm xấp. Rồi những khoảng rừng tràm gần như vô tận. Chưa thấy nhà, chưa thấy khói, chỉ thấy bóng chim bay, tiếng sóng vỗ về sau lưng. Đêm đầu tiên cha con Liêu ngủ dưới một tàng cây da lớn, chim chóc về đây. Họ vui mừng vì trong tiếng chim lao xao có một cái gì tuy xa vắng nhưng quen thuộc. Có khi chỉ gặp bóng dáng thiên nhiên đã nhận ra quê hương mình. Có khi chỉ thoáng thấy màu núi xanh lơ đã

nghe lòng nao nức mùi vị quê nhà.

Cha con Liêu cuốc bộ hai ngày đêm thì gặp một cánh đồng khô, sau khi tìm cách vượt qua một con sông rộng. Từ phía hữu ngạn đi lên, trong nắng chiều, họ bắt gặp hình ảnh xa xa một tháp Chàm. Cái khối xương rồng khổng lồ ấy hiện lên nền trời xanh, làm rực cháy trong tâm cảm cha con Liêu một niềm tin quen thuộc. Họ mừng rỡ nắm tay nhau. Lần đầu tiên những nụ cười của họ có màu sắc, sau nhiều năm xám xịt âu lo.

Họ bắt gặp một con đường mòn. Vậy là đã có dấu chân người. Vậy là da thịt người đã làm mòn mặt đất, cát bụi đã bắt gặp mồ hôi người, người và đất hơn một lần trò chuyện. Sau cùng cha con Liêu đi vào một vùng đồi thấp. Cả bảo:

– Hãy gắng đi lên cái ngọn đồi cao nhất kia kia.

Ý của Cả là nhân đó có dịp quan sát chung quanh, tìm phương hướng cho ngày mai tiếp tục hành trình.

Lúc lên tới ngọn đồi cao nhất là lúc mặt trời sắp lặn. Hoàng hôn tím tím, nhãn quang của cha con Liêu bỗng rực rỡ một không gian thoáng rộng khi xa xa bên dưới là con đường quan lộ – có lẽ là xuyên Bắc Nam – những ánh đèn leo lét của vài xóm nhà, những rặng cây bóng tối. Con sông ngoằn ngoèo dẫn về Nam, không một cây cầu. Tất cả hãy còn nhuốm vẻ hoang sơ, đầy đậm chất huyền ảo, của miền đất một dân tộc bỏ đi và một đám di dân chưa kịp tới.

Bóng tối thì luôn luôn giống nhau nhưng cái màu sắc nhân văn, cái ẩn số

thần linh hẳn rất là khác nhau. Ở những cực điểm của hoàn cảnh, con người luôn luôn bị vò xé bởi tâm cảm khó định hình. Mỗi cha con Liêu rơi vào một trạng thái tinh thần hoàn toàn khác nhau. Cậu Út rất ngợp trước những cơn gió không biên cương nơi đỉnh đồi. Cậu lại ngạt thở trước tình huống tự do, mà theo cậu, không đáng tán dương gì. Cậu muốn chết ngay tức thì.

Đêm đó, cha con Liêu ngủ trên một khoảng đất trên sườn đồi phía Nam – hầu hết những xóm làng trên sườn đồi hay sườn núi Việt Nam đều nằm ở phía Nam. Vì sao vậy? Vì họ tránh gió mùa đông tanh lạnh, từ phương Bắc thổi vào. Mọi người mệt mỏi, không ai nói với nhau được điều gì. Mỗi người ôm ấp một an lành riêng tư, nhắm nháp cái hương vị đất liền sau nhiều năm xa cách. Dấu

hiệu phục sinh được họ nhận ra trong tiếng chim rừng quen thuộc, trong mùi cỏ, và trong từng lá cỏ đâm nhói dưới bờ lưng không mềm chiều.

Khuya, trời lạnh buốt. Trần Liêu tìm cách đốt một đồng lửa. Cha con ngồi vây quanh sưởi ấm: những bộ xương hồng. Liêu nói:

– Chúng ta lập nghiệp tại nơi đây được rồi các con ạ.

Cả nói:

– Hãy đi thêm nữa. Ngày mai có khi chúng ta tìm được một vùng đất phì nhiêu lý tưởng hơn.

Út nói:

– Chúng ta là những người trồng kiếp người cho mai sau chứ không phải trồng cây măng cây lúa.

Không gian như đượm hương. Đêm một màu đen tuyền, muôn nghìn mắt tinh tú. Cách đó không xa, sóng bờ Bắc sông Thu vây bủa, và những bầy voi trăm mặc đi, những con cạp vỗ người vẫn còn giấu mặt chờ sáng. Đã đổi quan huyện mới, nhưng Phú Hào đã xây cất thêm được những dãy nhà mới. Cuộc sống vẫn tiếp tục đồng bộ đi tới bằng những bước chân ác quỷ trá hình; và trong hiện thực màu xám hãy còn nhiều đầu lâu khoác mặt nạ.

Đám lửa giữa cha con Liêu bùng lên, và những đám hồng reo nổ – do những thanh cây có chất dầu. Cậu Út dõi đôi mắt vào đêm, như tìm cái tiền kiếp của cậu, hay cái gì đó mà cậu vẫn cứ mơ màng là một phần hồn đang cất cánh bay đi. Một số những con nai con sóc thấy ánh lửa chạy tới nhưng thấy người chúng lại

phóng mình đi, với chim chóc, cọp, beo, cả chuồn chuồn châu chấu trên ngọn đồi này, trong khu núi thấp triển miên là rừng này, đêm nay, bọn chúng nhận ra rằng đã có bọn người đặt chân tới; nghĩa là rồi ra, chúng sẽ tìm nơi nương thân khác. Giữa đêm tịch mịch, trong ánh hồng soi mặt, Liêu nhìn hai con rồi đột nhiên nói; giọng đầy âm sắc ngọt ngào:

– Các con, hãy vui sống để làm lại tất cả. Chúng ta đang, và sẽ bắt đầu. Dầu là trong đêm tối mịt mùng, nhưng trên quê nhà, hôm nay ta đã đốt được một ngọn lửa hồng.

✱

Ngọn lửa hồng ấy được đốt lên cách đây gần sáu trăm năm, ngày Quảng Nam

thuộc về đất Việt, những cư dân đầu tiên đã tới. Ngọn đồi xưa kia cha con Liêu tới đốt lửa nay là Nồng Ông Tào. Ngày nay quanh đây đã đầy những nương rẫy, xóm làng, cuộc sống cứ mãi đổi thay và tiếp tục. Những dấu vết xưa, nay có xóa nhòa, tà huy hay bùng sáng, hy vọng nổi hy vọng, khổ đau chồng chất khổ đau, máu pha máu, mồ hôi cạn dần trên mỗi xác thân lương thiện, cuộc sống con người có khai mở, sự lạc hậu tối tăm có thể bị đẩy lùi; nhưng không phải vì vậy mà những manh tâm nơi con người cứ tuần tự phai tàn đi.

Mỗi một con người sớm mai đẩy cửa ra đường đã nhanh chóng có một thằng bản ngã của nó huênh hoang và lếu lảo bước theo, và con người lương thiện ấy vẫn tưởng nó – cái phần phân thân kia – đương nhiên phải có như một chiếc

bóng của ta trên mặt đường, dưới bóng mặt trời. Ngày ngày chúng ta phải cứ hòa nhập với kẻ thù, chung cùng một trái tim.

Thuở bé tôi từng nghe cha tôi kể câu chuyện trên – vẫn buổi tối trăng lên ở ngọn cây gòn đầu ngõ, tiếng chuyện trò văng vẳng của các thôn nữ ở vườn bên; tiếng chim đêm cùng trái rụng; gia đình quây quần bên mâm cơm, trên cái sân gạch lung linh ánh trăng, lót dưới mâm cơm là chiếc chiếu trải nền. Và lót dạ thêm cho những bữa ăn thiếu chất là các truyện cổ tích, giai thoại, những câu đồng dao, những câu tiểu lâm. Cái hương vị quê mùa thơ mộng ấy làm câu chuyện về cha con Trần Liêu thấm đậm trong tôi. Đầu óc trinh bạch của tôi thuở ấy giữ mãi câu chuyện trong một thần thái an lành.

Câu chuyện Trần Liêu không phải là chính sử, chẳng là chuyện thần thoại, cổ tích, thậm chí có người cho rằng đó là một câu chuyện không thể có thật. Tôi không nghĩ như thế. Bị một đau khổ đích thực còn hơn có một niềm vui giả tạo. Bằng vào tính chất trong sáng, nhân bản, không xa lạ với hiện thực, tôi tin rằng câu chuyện Trần Liêu có thật. Nếu không, chúng ta để Tình Người đi đâu, khi ngày nay nhìn mặt, gọi-là-mặt-người.

Ngọn lửa kia đã tàn trong thiên thu. Con cháu Người-Đốt-Lửa hãy còn. Lửa ấy không chỉ là một thứ ánh sáng vô cảm, trong một xã hội máy móc, lạnh lùng. Lửa ấy cũng không siêu nhiên xa lạ, cũng không nằm chết trong ý nghĩ hạn hẹp hiện thực của lửa. Nó có thể đã biến thành một dạng ánh sáng khác: đậm đà

như ca dao, rục rĩ như lời ca hạnh phúc, hay ngậm ngùi như tiếng hát gọi nát lòng của những thân phận hẩm hiu của Mẹ, của Giao Châu.

Ngọn lửa thiên thu kia đã có một linh hồn và một tác động vĩnh cửu. Chúng ta ghi nhớ lại, cũng có nghĩa là sẽ đốt lên.

Và, chúng ta chẳng hề quên câu nói tiềm vọng của Liêu:

– ...Chúng ta sẽ bắt đầu làm lại tất cả. Dẫu rằng trong bóng tối mịt mù, nhưng trên quê nhà, hôm nay chúng ta đốt một ngọn lửa hồng.

7.9.91

Cung Tích Biên

